

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/DSST - HNGĐ.

Ngày: 10 - 5- 2022

V/v: “*Không công nhận vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thanh Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Xuân Minh

2. Ông Hoàng Trọng Thủy

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2021/TLST - HNGĐ ngày 30/12/2021 về việc “*không công nhận vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐST- DS ngày 25/4/ 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1982.

Nơi ĐKKHKT: Ấp Láng C, xã Thanh Ph, huyện Cái N, tỉnh Cà M. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1977.

Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu 2, thị trấn Đồng L, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề nghị không công nhận là vợ chồng ngày 19/10/2021 và bản tự khai chị Lê Thị T trình bày: Tôi (Lê Thị T) và anh Nguyễn Văn B tự nguyện đến chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được hai đứa con đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Lê Thị T về quê ngoại tại huyện Cái N, tỉnh Cà M, anh Nguyễn Văn B sống và làm ăn tại thị trấn Đồng L, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình. Chị Lê Thị T thấy tình

cảmgiữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B không còn nữa nên chị Tám làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B thừa nhận hai bên chung sống với nhau như vợ chồng và sinh được hai đứa con chung tên là: Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2002 và Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 08/8/2010. Hiện nay con Nguyễn Nhật M đang sống cùng chị Lê Thị T tại xã Thạnh Ph, huyện Cái N, tỉnh Cà M, con Nguyễn Trọng Nh sống cùng anh Nguyễn Văn B tại tiểu khu 2, thị trấn Đồng I, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình. Nguyên vọng của chị Lê Thị T xin được nuôi cả hai đứa con và không yêu cầu anh Bình đóng góp tiền nuôi con hàng tháng. Con Nguyễn Trọng Nh có nguyện vọng xin được ở với bố và anh Nguyễn văn Bình cũng có nguyện vọng xin được nuôi con Nguyễn Trọng Nh và không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng.

Tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T đã nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000031 ngày 30/12/2021 nay xin chịu toàn bộ.

Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình đã thụ lý vụ án theo yêu cầu của chị Lê Thị T và triệu tập hai bên đương sự đến tại trụ sở Tòa án huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình để giải quyết nhưng chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B có bản tự khai và làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu tại phiên tòa đối với Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng và đủ thành phần theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B đều có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 không công nhận chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng. Về con chung áp dụng các Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 luật hôn nhân và gia đình: Giao cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp và chăm sóc nuôi dưỡng con Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 08/8/2010 cho đến lúc con khôn lớn, trưởng thành, chị Lê Thị T không phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng. Con Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2002 nay đã trưởng thành nên hai bên sẽ có trách nhiệm chung. Tài sản chung và công nợ chung không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Án phí áp dụng Điều 27 NQ số: 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền mà chị Tám đã nộp tạm ứng án phí

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Như vậy chị Lê Thị T đã nộp đủ khoản án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T, trú tại Ấp Láng C, xã Thanh Ph, huyện Cái N, tỉnh Cà M làm đơn khởi kiện đề nghị không công nhận anh Nguyễn Văn B trú tại tiểu khu 2, thị trấn Đồng L, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình và chị Lê Thị T là vợ chồng. Quá trình giải quyết chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B đều có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Xét đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt của Chị T và anh B là hợp pháp và được Tòa án chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B tìm hiểu đến chung sống với nhau như vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện không có ai ép buộc, không trực tiếp đến tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B không tuân thủ các quy định của pháp luật về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là cuộc hôn nhân bất hợp pháp. Vì vậy cần áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 16 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và nghị quyết số: 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội hướng dẫn thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để không công nhận chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B đều thừa nhận hai bên chung sống với nhau như vợ chồng có hai đứa con chung tên là: Nguyễn Nhật M, sinh ngày 15/6/2002 và Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 08/8/2010. Hiện nay con Nguyễn Nhật M đang sống cùng chị Lê Thị T. Con Nguyễn Trọng Nh sống cùng anh Nguyễn Văn B. Nguyên vọng của chị Lê Thị T xin được nuôi cả hai đứa con và không yêu cầu anh B đóng góp tiền nuôi con hàng tháng. Nguyên vọng của anh Nguyễn Văn B xin được nuôi con Nguyễn Trọng Nh và không yêu cầu chị T phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng. Hội đồng xét xử thấy nguyên vọng của hai bên là toàn toàn chính đáng nhưng từ khi hai bên ly thân đến nay con Nguyễn Nhật Mai ở với chị T và nay đã trưởng thành nên việc chăm sóc và nuôi dưỡng là trách nhiệm chung của chị T và anh B. Con Nguyễn Trọng Nh từ trước tới nay ở với anh B, nguyên vọng của con xin ở được với anh Nguyễn Văn B và anh B cũng có nguyên vọng tiếp tục xin được nuôi con. Xét thấy nguyên vọng của con Nguyễn Trọng Nh và anh B là phù hợp vì vậy cần áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình giao con Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 08/8/2010 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi khôn lớn, trưởng thành, chị Lê Thị T không phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng.

Anh Nguyễn Văn B không được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung đối với chị Lê Thị T, trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con chị Lê Thị T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con .

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B thừa nhận không có tài sản và công nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0000031 ngày 30/12/2021 nay xin phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng của chị Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn B.

Áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xử: Tuyên bố không công nhận chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 luật hôn nhân và gia đình: Giao con Nguyễn Trọng Nh, sinh ngày 08/8/2010 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp và chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con khôn lớn, trưởng thành. Chị Lê Thị T không phải đóng góp tiền nuôi con hàng tháng.

Anh Nguyễn Văn B không được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung đối với chị Lê Thị T, trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con chị Lê Thị T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Án phí áp dụng Điều 27 NQ số: 326/2016/UBTVQH 16 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án buộc chị Lê Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000031 ngày 30/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Như vậy chị Lê Thị T đã nộp đủ khoản án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố anh Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại trụ sở

UBND thị trấn Đồng L, huyện Tuyên H, tỉnh Quảng Bình. Chị Lê Thị T kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ tại UBND xã Thanh Ph, huyện Cái N, tỉnh Cà M.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS Tuyên Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đồng L
- UBND xã Thanh Ph.
- Lưu Hồ sơ - Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trần Thanh Dân